Ký bởi: Ủy ban Nhân dân huyện Bình Sơn
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 01/07/2022 10:16:19

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 930/QĐ-UBND	*Bình Sơn, ngày 30 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Mô hình Vùng nuôi kết hợp thủy sản nước lợ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 *của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;*

Căn cứ Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành định mức kỹ thuật tạm thời áp dụng cho các mô hình Khuyến ngư;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Ban hành Qui định mức chi công tác phí, chi Hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Ban hành Qui định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 4624/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện Bình Sơn về việc giao Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3444/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND huyện Bình Sơn về việc phê duyệt danh mục các mô hình, dự án khuyến nông năm 2022; Quyết định số 190a/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn điều chỉnh danh mục Khuyến nông năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn về việc kiện toàn Hội đồng thẩm định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn huyện Bình Sơn; Quyết định số 3724/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn về việc thay đổi Phó Chủ tịch và thư ký Hội đồng thẩm định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn huyện Bình Sơn;

Theo đề nghị của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Bình Sơn tại Tờ trình số 04/TTr-TTDVNN ngày 17/02/2022; Báo cáo thẩm định số 34/BCTĐ-HĐTĐ ngày 22/02/2022 của Hội đồng thẩm định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn huyện Bình Sơn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Mô hình Vùng nuôi kết hợp thủy sản nước lợ, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Mô hình: Mô hình Vùng nuôi kết hợp thủy sản nước lợ.

2. Chủ quản đầu tư: UBND huyện Bình Sơn.

3. Chủ đầu tư và chủ trì thực hiện Mô hình: Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Bình Sơn.

4. Địa điểm đầu tư: Xã Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Cơ quan phối hợp thực hiện Mô hình: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện; UBND xã Bình Dương.

6. Qui mô đầu tư: 17 ha.

7. Đối tượng: Tôm thẻ chân trắng, cá đối, cua, cá chim vây vàng.

8. Thời gian thực hiện: Năm 2022.

9. Cán bộ phụ trách kỹ thuật theo dõi Mô hình: Ông Nguyễn Văn Tình, Kỹ sư thủy sản, Viên chức Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Bình Sơn.

10. Mục tiêu: Chuyển đổi hình thức nuôi từ nuôi tôm độc canh sang hình thức nuôi tôm kết hợp với nuôi cá đối, cá chim trắng vây vàng và cua biển theo hướng bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái.

11. Tổng kinh phí đầu tư: 5.026.385.000 đồng. Trong đó: Ngân sách huyện (hỗ trợ): 400.000.000 đồng; vốn dân: 4.626.385.000 đồng *(Chi tiết Phụ lục kèm theo)*.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Bình Sơn *(Chủ đầu tư)* có trách nhiệm:

- Căn cứ Quyết định này, Chủ đầu tư tổ chức thực hiện Mô hình, lựa chọn đơn vị cung ứng giống, vật tư, đảm bảo giá giống và giá vật tư theo giá thị trường, triển khai thực hiện Mô hình đảm bảo hiệu quả, đúng nội dung Mô hình được phê duyệt và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước; quản lý sử dụng vốn đúng quy định.

- Chủ đầu tư phải thực hiện đúng và đầy đủ nội dung kết quả thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 34/BCTĐ-HĐTĐ ngày 22/02/2022 của Hội đồng thẩm định Dự án phát triển sản xuất trên địa bàn huyện Bình Sơn.

2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện (*Cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định)* có trách nhiệm:

Phối hợp theo dõi quá trình triển khai thực hiện Mô hình, đặc biệt là công tác phòng, chống dịch bệnh cho đối tượng nuôi, đồng thời kiểm tra việc triển khai theo đúng nội dung Mô hình và quy định chuyên ngành.

3. UBND xã Bình Dương có trách nhiệm: Tuyên truyền đến hộ nuôi cam kết thực hiện Mô hình đúng theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng huyện, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện Bình Sơn, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Bình Sơn, Chủ tịch UBND xã Bình Dương, thủ trưởng các phòng, ban ngành, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- CT, PCT (NL) UBND huyện;
- Các Phòng: NN&PTNT, TC-KH, KT&HT, LĐTB&XH huyện;
- Hội Nông dân huyện;
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện;
- UBND xã Bình Dương;
- VPH: PCVP, CVNN, Website;
- Lưu VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ưng Đình Hiền

PHỤ LỤC

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN MÔ HÌNH VÙNG NUÔI KẾT HỢP THỦY SẢN NƯỚC LỢ

(Kèm theo Quyết định số: 930 /QĐ-UBND ngày 30 / 6 /2022 của Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn)

(Qui mô: 17 ha. Địa điểm: Xã Bình Dương. Thời gian thực hiện: Năm 2022)

TT	NỘI DUNG ĐẦU TƯ	ĐVT	Yêu cầu đầu tư			Trong đó:		
			Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ngân sách Nhà nước		Vốn dân (đồng)
						%	Giá trị (đồng)	
I	**ĐẦU TƯ SẢN XUẤT**				**4.987.789.000**		**361.404.000**	**4.626.385.000**
1	**Con giống**				**1.360.308.000**		**361.404.000**	**998.904.000**
1.1	Tôm giống thẻ chân trắng(cỡ post 12)	Con	5.100.000	125	637.500.000			637.500.000
1.2	Cá chim trắng giống(cỡ 8 cm)	Con	22.000	9.300	204.600.000	50	102.300.000	102.300.000
1.3	Cá đối giống(Cỡ 8 cm)	Con	1.824	4.500	8.208.000	50	4.104.000	4.104.000
1.4	Cua giống(cỡ 1,5 cm)	Con	170.000	3.000	510.000.000	50	255.000.000	255.000.000
2	**Thức ăn, vật tư**				**3.284.760.000**			**3.284.760.000**
	Thức ăn tôm	Kg	35.700	35.000	1.249.500.000			1.249.500.000
	Thức ăn hỗn hợp cho cá	Kg	12.740	24.000	305.760.000			305.760.000
	Thức ăn cá tạp(cho cua)	Kg	102.000	15.000	1.530.000.000			1.530.000.000
	Vitamin tổng hợp	Kg	200	180.000	36.000.000			36.000.000
	Men tiêu hóa	Kg	200	180.000	36.000.000			36.000.000
	Vôi	Tấn	85	1.500.000	127.500.000			127.500.000
3	**Công lao động**				**342.721.000**			**342.721.000**
II	**ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP**				**38.596.000**		**38.596.000**	
1	**Bảng tên mô hình**	Bảng	1	500.000	**500.000**	100	**500.000**	
2	**Thuê kỹ thuật chỉ đạo mô hình**				**8.040.000**	100	**8.040.000**	
	1,490,000đ/tháng/22 x 120 ngày							
3	**Tập huấn**	Ngày			**5.435.000**	**100**	**5.435.000**	
	Tiền ăn	Người	43	100.000	4.300.000	100	4.300.000	
	Tiền nước uống	Người	43	10.000	430.000	100	430.000	
	Photo tài liệu	Bộ	43	5.000	215.000	100	215.000	
	Báo cáo viên	Ngày	1	300.000	300.000	100	300.000	
	Trang trí Hội trường	HT	1	190.000	190.000	100	190.000	
4	**Hội nghị tổng kết**	Ngày			**5.135.000**	**100**	**5.135.000**	
	Tiền ăn	Người	43	100.000	4.300.000	100	4.300.000	
	Tiền nước uống	Người	43	10.000	430.000	100	430.000	

	Photo tài liệu	Bộ	43	5.000	215.000	100	215.000	
	Trang trí Hội trường	HT	1	190.000	190.000	100	190.000	
5	**Chi phí quản lý**				**17.518.155**	**100**	**17.518.155**	
6	**Chi phí thẩm định giá**				**1.967.845**	**100**	**1.967.845**	
	TỔNG CỘNG				**5.026.385.000**		**400.000.000**	**4.626.385.000**